

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/01/2023

Về việc: *Ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đàm Thị Bích Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Ông Nguyễn Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Bích Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1236/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ** – sinh năm 1988

Địa chỉ: 186/22/7 LHP, PH, NT, KH. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thảo N** – sinh năm 1989

HKTT: 186/22/7 LHP, PH, NT, KH.

Hiện trú tại: 305/E LDC, VN, NT, KH.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông **Nguyễn Văn Đ** trình bày: Ông và bà **Nguyễn Thị Thảo N** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện CL, tỉnh KH vào năm 2014. Trong quá trình chung sống, **thời gian đầu hôn nhân, ông và bà N chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau đó, ông và bà N** xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung làm cho không khí gia đình trở nên ngột ngạt, mệt mỏi, không hạnh phúc. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không được. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện ông và bà N đã sống ly thân với nhau và ông không còn tình cảm với bà N nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung, ông và bà N có 02 (hai) con chung là cháu **Nguyễn Khương Đ** – sinh ngày 07/7/2015 và cháu **Nguyễn Linh Đ** – sinh ngày 22/02/2020. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 01 con

chung là cháu Nguyễn Khương Đ, không yêu cầu bà N cấp dưỡng và giao 01 con chung là cháu Nguyễn Linh Đ cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Nguyễn Thị Thảo N vắng mặt nên không có lời khai.

* Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thảo N có địa chỉ nơi cư trú tại xã Vĩnh Ngọc, thành phố NT, tỉnh KH, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố NT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thảo N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt nhiều lần. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thảo N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thảo N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam An Nam, huyện Cam Lâm, tỉnh KH cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 28/02/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét thấy: Ông Đ yêu cầu ly hôn với bà N vì cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông Đ và bà N không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống trong đời sống vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà N nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện bà N bỏ mặc và không còn quan tâm đến việc hòa giải quan hệ hôn nhân. Như vậy, lời trình bày của ông Đ về việc vợ chồng có mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông Đ và bà N cũng đã sống ly thân nhau, không còn ai quan tâm, chăm sóc cho nhau. Cuộc sống hôn nhân của ông Đ và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ và đúng thực tế. Vì vậy, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ.

[2.2]. Về con chung: Ông Đ và bà N có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Khương Đ – sinh ngày 07/7/2015 và cháu Nguyễn Linh Đ – sinh ngày 22/02/2020. Ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Khương Đ, không yêu cầu bà N cấp dưỡng và giao 01 con chung

là cháu Nguyễn Linh Đ cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Đ đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Khương Đ và tại bản tự khai cháu Đại có nguyện vọng được ở với bố; bà N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Linh Đ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Đ không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ về việc “Ly hôn” với bị đơn bà Nguyễn Thị Thảo N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thảo N.

2. Về con chung: Giao 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Khương Đ – sinh ngày 07/7/2015 cho ông Nguyễn Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Linh Đ – sinh ngày 22/02/2020 cho ông Nguyễn Thị Thảo N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thảo N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số **AA/2021/0002725** ngày **24/10/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Ông Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh KH;
- VKS TP. NT (2 bản);
- Chi cục THA dân sự Tp. NT;
- UBND xã C, huyện CL, tỉnh KH (Số 03, ngày 28/02/2014);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Bích Ngọc